

THÔNG BÁO

Báo cáo quyết toán kinh phí năm học 2023-2024

Đơn vị tính : đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ	3.153.394	100%
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác		
1.7	Số dư cuối năm		
	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	205.290	100%
2.1	Dạy học 2 buổi		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu	30	
2.1.3	Tổng số thu trong quý	205.290	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	205.290	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	205.290	
2.1.6	Số chi trong quý	205.290	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	205.290	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	Chi nộp thuế		
	- Chi khác:.....		

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
2.1.7	Số dư cuối năm	0	
3	Thu chi cơ sở vật chất bán trú	41.880	100%
3.1			
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
3.1.2	Tổng số thu trong quý	41.880	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	41.880	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	41.880	
3.1.5	Số chi trong quý	41.880	
3.1.6	Trong đó: Chi cơ sở vật chất bán trú	41.880	
3.1.6	Số dư cuối năm		
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	85.920	100%
4.1.			
4.1.1	Số dư quý trước chuyển sang		
4.1.2	Mức thu	30	
4.1.3	Tổng số thu trong quý	85.920	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	85.920	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	85.920	
4.1.6	Số chi trong quý	85.920	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	54.000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	8.592	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	13.740	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.1.7	Số dư cuối năm		
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	278.736	100%
5.1	Kỹ năng sống		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.1.2	Mức thu	48	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	278.736	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	278.736	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	278.736	
5.1.6	Số chi trong năm	278.736	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	222.988	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	27.876	
	- Chi phúc lợi	22.298	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	Chi nộp thuế	5.574	
5.1.7	Số dư cuối năm		
6.1	Tiếng Anh	470.240	
6.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
6.1.2	Mức thu	80	
6.1.3	Tổng số thu trong quý	470.240	
6.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	470.240	
6.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	470.240	
6.1.6	Số chi trong quý	470.240	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	399.704	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	37.619	
	- Chi phúc lợi	31.351	
	Chi nộp thuế	1.566	
6.1.7	Số dư cuối năm		
7	Thu chi quỹ đội,, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		100%
7.1			
7.1.1	Số học sinh		
7.1.2	Mức thu		
7.1.3	Tổng thu		
7.1.4	Chi nộp cấp trên		
7.1.5	Chi hoạt động đội		
8	Quản lý ngoài giờ ...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	1.198.260	100%
8.1	Quản lý ngoài giờ		
8.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
8.1.2	Mức thu	200	
8.1.3	Tổng số thu trong năm	1.198.260	
8.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.198.260	
8.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	1.198.260	
8.1.6	Số chi trong năm	1.198.260	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách	898.695	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	215.686	
	- Chi phúc lợi	59.914	
	Chi nộp thuế	23.965	
	- Chi khác:.....		



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
8.1.7	Số dư cuối năm		
9	Nước uống học sinh... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	76.000	
9.1			
9.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
9.1.2	Mức thu		
9.1.3	Tổng số thu trong quý	76.000	
9.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	76.000	
9.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	76.000	
9.1.6	Số chi trong quý	76.000	
	Chi cấp phát nước	18.000	
	Chi nước uống học sinh	57.973	
1.1.7	Số dư cuối năm		
10	Chăm sóc bán trú... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng	162.360	100%
10.1			
10.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
10.1.2	Mức thu		
10.1.3	Tổng số thu trong quý	162.360	
10.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	162.360	
10.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	162.360	
10.1.6	Số chi trong quý	162.360	
	Trong đó: - Chi công tác chăm ăn, chăm ngủ.	159.113	
	Chi phí nhân công phục vụ bếp ăn		
	Chi nộp thuế	3.247	
10.1.7	Số dư cuối năm		
11	Thu chi tiền xuất ăn... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	634.708	100%
11.1			
11.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
11.1.2	Mức thu	28	
11.1.3	Tổng số thu trong năm	634.708	
11.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	634.708	
11.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	634.708	
11.1.6	Số chi trong năm	634.708	
	Trong đó: - Chi trả tiền xuất ăn	634.708	
11.1.7	Số dư cuối năm		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Ngân sách nhà nước	11.885.268	100%
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	6.558.286	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	6.489.500	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	73.300	
	+ Kinh phí giảm trong năm	4.514	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	6.558.286	
	- Kinh phí quyết toán	6.558.286	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	5.326.982	100%
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm	5.326.982	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	5.326.982	
	- Kinh phí quyết toán	5.326.982	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3			
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
IV	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

NGƯỜI LẬP



Trần Thị Thu



Ngô Thị Huyền

Ngày 06 tháng 9 năm 2024